

Nghiên cứu công nghệ sản xuất Rượu Brandy từ quả nho Việt Nam. Đề tài thuộc Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực CNCB đến năm 2020. Viện nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ - Bộ Công thương.

Vũ Thị Kim Phong, Nguyễn Thị Hồng Chi, Trần Thị Lan, Nguyễn Đức Kiên, Hoàng Liên Hương, Nguyễn

Văn Cường, Lê Hoài Thanh, Hồ Việt Hưng, Nguyễn Thị Hối, 2011. Nghiên cứu công nghệ sản xuất Rượu Brandy từ quả vải và quả mận của Việt Nam. Đề tài thuộc Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực CNCB đến năm 2020. Công ty Cổ phần Cồn rượu Hà Nội - Bộ Công thương.

Effect of the yeast's ratio, fermentation temperature and time on pineapple brandy production

Nguyen Tuan Linh, Dinh Thi Hien, Ho Tuan Anh

Abstract

The materials used for producing brandy were the selected pineapple variety Queen (Bao Son - Bac Giang province). Enzyme Pectinex Ultra SP-L was added to the pineapple juice solution with the determined concentration of 0.025% (v/v %). The sugar RE was added to the fermentation solution so that the sugar content reached 180 g/l. Fermentation was performed at 16°C, 18°C, 20°C, 22°C, 24°C, using selected strain *Saccharomyces cerevisiae* C05 with the ratio of 0.1%, 0.2%, 0.3%, 0.4%, 0.5%, 0.6% compared with the pineapple juice solution. The results showed that using strains *Saccharomyces cerevisiae* C05 with the ratio of 0.4% and fermentation temperature at 20°C in 7 days were suitable for brandy production.

Key words: Fermentation, yeast, pineapple juice, fermentation temperature, fermentation time

Ngày nhận bài: 16/6/2016

Người phản biện: TS. Trần Danh Sừu

Ngày phản biện: 20/6/2016

Ngày duyệt đăng: 24/6/2016

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU BẦU NGÔ CẢI TIẾN PHỤC VỤ SẢN XUẤT NGÔ ĐÔNG TRÊN ĐẤT HAI LÚA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Lê Quốc Thanh¹, Đàm Quang Minh¹, Nguyễn Hữu Hiệu¹,
Lê Ngọc Hoàng¹, Lê Trường Giang²

TÓM TẮT

Trong những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết biến động bất thường, lệch quy luật, đầu thời vụ gieo trồng ngô Đông thường bị mưa to, gây ngập úng cục bộ, gây khó khăn lớn cho việc gieo trồng ngô. Kỹ thuật làm bầu ngô là một trong những giải pháp hữu ích nhằm tận dụng không gian và thời gian tạo thời vụ gieo trồng hợp lý cho sản xuất ngô Đông trên đất hai lúa. Nghiên cứu này nhằm cải tiến bầu ngô truyền thống (bầu bùn nông dân hay áp dụng). Kết quả nghiên cứu đã xác định được giải pháp kỹ thuật làm bầu ngô cải tiến phù hợp đó là: Gieo trong khay xốp 66 lỗ, với 3 loại giá thể phù hợp là: (1) Trấu hun + đất bột, tỷ lệ 1:1; (2) Giá thể GT5 + đất bột, tỷ lệ 1:3 và (3) Than bùn ủ mục (HCVC) + rơm rạ nghiền + đất bột, tỷ lệ 1:1:3. Bầu cải tiến đã góp phần làm giảm giá thành, công lao động, tạo sự đồng đều và nâng cao chất lượng cây giống, đảm bảo mật độ khi đưa cây ra trồng trên đồng ruộng.

Từ khóa: Bầu ngô cải tiến, ngô Đông, đất hai lúa

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam, hiện nay sản xuất ngô vụ Đông trên đất hai lúa các tỉnh đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) gặp một số khó khăn, hạn chế do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, gây ra hiện tượng thời tiết cực đoan (bão lụt, mưa lớn, nắng hạn bất thường...); thiếu lao động, quy mô sản xuất manh mún, nhỏ lẻ khó áp

dụng cơ giới hóa. Một nguyên nhân quan trọng làm giảm diện tích ngô Đông trên đất hai lúa vùng ĐBSH trong những năm qua đó là hiệu quả sản xuất ngô Đông không cao do năng suất thấp, chi phí đầu vào cao (vật tư, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công lao động cao), chưa có các giải pháp khoa học công nghệ phù hợp để giảm chi phí đầu vào. Trong sản

¹ Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông

² Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

xuất ngô Đông trên đất hai lúa, cây ngô còn gặp khó khăn liên quan đến đặc điểm sinh học, nếu bố trí thời vụ không hợp lý: Gieo hạt sớm cây gặp bão lớn, mưa ngập vào tháng 8, nếu thu hoạch lúa Mùa muộn gieo ngô không kịp thời vụ dẫn tới trở gặp lạnh thụ phấn thụ tinh kém ảnh hưởng tới năng suất, chất lượng cây ngô.

Xuất phát từ thực tế nêu trên, nhằm mục tiêu góp phần nâng cao chất lượng cây giống trong vườn ươm, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất và hiệu quả cho sản xuất, nghiên cứu bầu ngô cải tiến (gieo hạt trên khay xốp và giá thể phù hợp) được tiến hành để phục vụ sản xuất ngô Đông trên đất hai lúa vùng ĐBSH.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

- Giống ngô nếp HN88.
- Khay xốp 66 lỗ (dài 50,0cm, rộng 30,0cm, dày 5,0cm, chất liệu: xốp, bền, nhẹ)
- Giá thể: Rơm rạ nghiền; rơm rạ ủ mục; trấu nghiền; trấu hun; than si; cỏ khô nghiền; giá thể GT5 (là giá thể sinh học không đất, có hàm lượng chất hữu cơ (OM) và dinh dưỡng cao: 44% chất hữu cơ (OM), 1,2% đạm (N), 0,8% lân (P_2O_5), 0,7% kali (K_2O) và các dinh dưỡng trung, vi lượng cần thiết khác cho cây trồng); bùn ao; đất bột.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Công thức thí nghiệm nghiên cứu giá thể: CT1: Rơm rạ, cỏ khô nghiền+ đất bột (tỷ lệ 1:3); CT2: Trấu nghiền + đất bột (tỷ lệ 1:3); CT3: Rơm rạ ủ mục + đất bột (tỷ lệ 1:4); CT4: Than si + trấu nghiền + đất bột (tỷ lệ 1:1:4); CT5: Than si + rơm rạ nghiền + đất bột (tỷ lệ 1:1:4); CT6: Trấu hun + đất bột (tỷ lệ 1:1); CT7: Giá thể GT5 + đất bột + rơm rạ xay (tỷ lệ 1:8:1); CT8: Giá thể GT5 + đất bột (tỷ lệ 1:3); CT9: Than bùn ủ mục (HCVC) + rơm rạ nghiền + đất bột (tỷ lệ 1:1:3); CT10: Bùn ao + rơm rạ nghiền + đất bột (tỷ lệ 1:1:3); CT11(đ/c): Bùn ao nông dân thường làm.

- Phương pháp bố trí thí nghiệm: Theo *Thiết kế thí nghiệm và xử lý kết quả bằng phần mềm thống kê IRRISTAT* của Phạm Tiến Dũng (Phạm Tiến Dũng, 2008).

- Phương pháp lấy mẫu: Mỗi lần nhắc lại theo dõi 10 bầu (10 cây), chọn bầu có cây đồng đều, tổng số cây theo dõi theo dõi là 40 cây/công thức.

- Các chỉ tiêu theo dõi: Tỷ lệ nảy mầm; chiều cao cây, số lá, số rễ của cây ngô gieo trong bầu khay xốp sau 5 ngày, 10 ngày, 15 ngày gieo; độ kết dính của bầu khi đưa ra khỏi khay xốp; khối lượng bầu, khối

lượng chất xanh, khối lượng cây, khối lượng chất khô sau gieo 15 ngày.

- Xử lý số liệu thí nghiệm bằng phần mềm Excel 2010.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Ảnh hưởng của các loại giá thể đến tỷ lệ nảy mầm của giống ngô HN88 gieo trong khay xốp

Tỷ lệ nảy mầm là chỉ tiêu quan trọng đánh giá chất lượng hạt giống và nó phụ thuộc vào giống và điều kiện ngoại cảnh lúc gieo. Kết quả nghiên cứu tỷ lệ nảy mầm ở cây ngô sống trong bầu khay của giống ngô HN88 được thể hiện trong bảng 1.

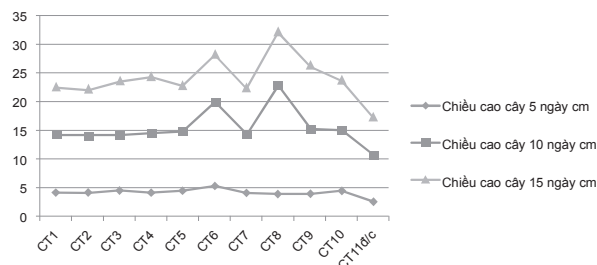
Bảng 1. Ảnh hưởng của giá thể đến tỷ lệ nảy mầm của giống ngô HN88 gieo trong bầu khay xốp vụ Đông 2014

Công thức	Khối lượng giá thể/1 khay (kg)	TB	Tỷ lệ nảy mầm (%)
CT1	0.94	48,67	83,72
CT2	0.95	49,67	85,25
CT3	1.50	36,67	65,54
CT4	1.10	44,67	77,66
CT5	1.00	34,67	62,51
CT6	0.50	57,33	96,86
CT7	1.30	37,67	67,06
CT8	1.90	51,67	88,27
CT9	1.40	42,67	74,63
CT10	0.73	49,66	85,26
CT11 (Đ/c)	2.80	27,33	51,41

Kết quả bảng số liệu 1 cho thấy tỷ lệ nảy mầm giao động từ (51,41 -96,86%). Trong đó CT6 có tỷ lệ nảy mầm đạt 96,86% là cao nhất, gần gấp đôi CT11 (đ/c). Có thể lý giải là CT6 tối xốp, nhiều khe hở, hạt nảy mầm đồng đều cao, tạo điều kiện thuận lợi cho khả năng mọc mầm của hạt ngô. Kết quả cho thấy, tỷ lệ nảy mầm của cây ngô trong các công thức không cao như trong sản xuất nông dân thường làm, có thể do trong thí nghiệm hạt ngô không được ngâm ủ nảy mầm trước khi gieo vào bầu.

3.2. Ảnh hưởng của giá thể đến chiều cao cây ngô gieo trong bầu khay xốp

Chiều cao cây là một trong những chỉ tiêu quan trọng phản ánh thực trạng cây ngô sống trong bầu. Kết quả nghiên cứu chiều cao cây ngô sống trong bầu khay của giống ngô HN88 được thể hiện trong hình 1.

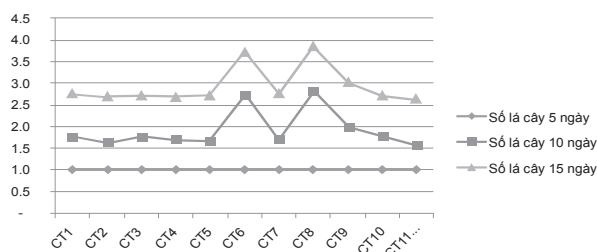


Hình 1. Ảnh hưởng của giá thể đến chiều cao cây giống ngô HN88 gieo trong bầu khay xốp vụ Đông 2014

Kết quả theo dõi cho thấy: Giai đoạn cây từ khi gieo đến mọc cây sống chủ yếu bằng dinh dưỡng hạt nên chiều cao cây không có biến động nhiều. CT6 chiều cao cây lớn nhất 5,25 cm, gấp đôi so với CT11 (đ/c). Giai đoạn cây 6- 10 ngày tuổi cây sinh trưởng nhanh, biên độ dao động lớn (10,76- 22,87 cm). Hai công thức có chiều cao cây lớn nhất là: CT8: 22,87cm và CT6: 20,05 cm, cây sinh trưởng rất nhanh gấp đôi chiều cao so với CT11 (đ/c): 10,76 cm. Giai đoạn này cây hút dinh dưỡng từ bầu sinh trưởng. CT8 thành phần giá thể GT5 có hàm lượng đạm, mùn và các hợp chất hữu cơ cao nên cây sinh trưởng nhanh, lá xanh đậm. Giai đoạn cuối, 3 công thức có chiều cao cây lớn nhất là CT8 (32,27 cm) > CT6 (28,41 cm) > CT9 (26,35 cm). CT8 cây sinh trưởng chiều cao nhanh nhất. Có thể lý giải ở CT9, cây sinh trưởng đều vì trong CT9 thành phần phân hữu cơ vi sinh, hàm lượng dinh dưỡng cao, các chủng vi sinh vật hữu ích phân giải rơm rạ nghiền dạng xenlulo nên cây sinh trưởng nhanh trong giai đoạn này.

3.3. Ảnh hưởng giá thể đến số lá giống ngô HN88 gieo trong bầu khay xốp

Lá là cơ quan có nhiệm vụ quang hợp tạo ra các hợp chất hữu cơ giúp cây sinh trưởng. Kết quả nghiên cứu số lá cây ngô sống trong bầu khay của giống ngô HN88 được thể hiện trong hình 2.



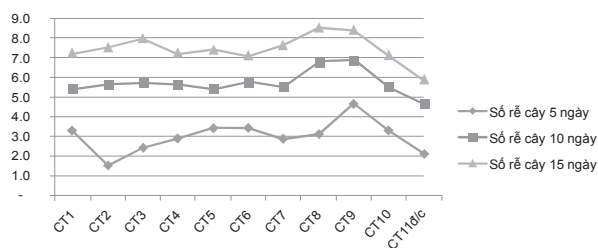
Hình 2. Ảnh hưởng của giá thể đến số lá giống ngô HN88 gieo trong bầu khay xốp vụ Đông 2014

Kết quả theo dõi cho thấy: Số lá có sự biến động theo từng giai đoạn cây. Giai đoạn đầu không có sự ảnh hưởng nhiều của giá thể và hạt đã ngâm ủ qua đêm hạt nảy mầm đồng đều số lá xuất hiện đều 1 lá.

Giai đoạn cây sau cây sinh trưởng lớn lên nhờ dinh dưỡng trong bầu. Có 2 công thức số lá lớn nhất là CT6: 2,7 lá; CT8 2,8 lá gấp 1,5 lần số lá CT11đ/c. Tương tự, giai đoạn cây 11 - 15 ngày sau gieo, 2 công thức có số lá nhiều nhất là CT6: 3,7 và CT8 3,9 lá so với CT11 (đ/c) chỉ có 2,7 lá.

3.4. Ảnh hưởng của giá thể đến số rễ cây ngô gieo trong bầu khay xốp

Số rễ là chỉ tiêu quan trọng khả năng hút muối khoáng, dinh dưỡng của cây. Kết quả thí nghiệm thể hiện qua hình 3.



Hình 3. Ảnh hưởng của giá thể đến số rễ giống ngô HN88 gieo trong bầu khay xốp vụ Đông 2014

Kết quả nêu ở hình 3 cho thấy: Số rễ có sự biến động không nhiều qua từng giai đoạn. Từ khi gieo hạt đến mọc cây, CT9 (4,7 rễ) nhiều nhất, gấp đôi so với CT11 (đ/c). Có thể lý giải là do CT9 có hàm lượng phân HCVS cao, bầu tơi xốp, rễ mọc nhiều, khả năng hút dinh dưỡng từ bầu cao. Giai đoạn cây 6-15 ngày sau gieo, công thức CT8, CT9 có số lượng rễ xuất hiện nhiều nhất gấp 1,5 lần CT11 (đ/c). Có thể lý giải là do hàm lượng dinh dưỡng khoáng của 2 công thức CT8 và CT9 cao, cây sinh trưởng nhanh nên số lượng rễ nhiều nhất.

3.5. Ảnh hưởng của các loại giá thể đến độ kết dính của bầu

Độ kết dính của bầu cây con khi đưa ra khỏi khay xốp là một chỉ tiêu rất quan trọng quyết định loại bầu cải tiến nào có thể đưa vào sản xuất, độ kết dính bầu càng cao càng dễ đưa ra ruộng sản xuất, tránh vỡ bầu khi lấy cây con và vận chuyển. Đánh giá bằng cảm quan, dùng ngón tay trở hoặc ngón tay út đẩy nhẹ bầu lên qua lỗ khay xốp để xem độ kết dính, chất lượng bầu thể hiện kết quả bảng 2.

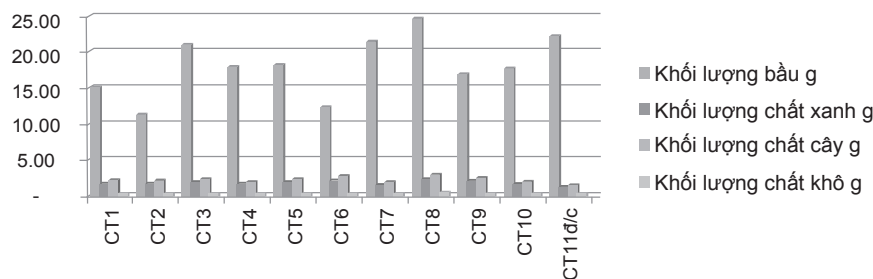
Kết quả bảng 2 cho thấy: Ở CT8, bầu cây con có độ kết dính cao, bầu cây con được lấy khỏi khay xốp rất dễ, bầu không bị vỡ, rễ không bị đứt. Ở CT2, độ kết dính của bầu rất thấp, bầu lấy ra bị vỡ hoàn toàn, đứt nhiều rễ con. Ở các công thức: CT6, CT4, CT10, khi lấy bầu ra khỏi khay xốp, do kết cấu bầu không được chặt, nên có khoảng 20-30% bầu bị vỡ, gãy đứt rễ.

Bảng 2. Ảnh hưởng của các loại giá thể đến độ kết dính của bầu khi đưa ra khỏi khay xốp (vụ Đông 2014)

Công thức	Cao	Khá	Bình thường	Thấp
CT1, CT3, CT5, CT7, CT9, CT11 (đ/c)		x		
CT2				x
CT4, CT6, CT10			x	
CT8	x			

3.6. Ảnh hưởng của các loại giá thể đến khối lượng bầu, khối lượng cây và khối lượng chất xanh của cây ngô gieo trong bầu khay xốp

Khối lượng bầu biến động và phụ thuộc vào giá thể làm bầu. Khối lượng bầu nặng nhất CT8 (24,63g/1 bầu); khối lượng bầu nhẹ nhất CT6 (12,44g/bầu), ở CT6 do giá thể bằng doấu hun, tỷ lệ đất thấp nên bầu nhẹ nhất. Ba công thức có khối lượng khối lượng chất xanh, khối lượng cây, khối lượng chất khô của cây lớn nhất là: CT6, CT8 và CT9 (Hình 4).



Hình 4. Ảnh hưởng của các loại giá thể đến khối lượng bầu, khối lượng cây, khối lượng chất xanh, khối lượng chất khô của cây ngô sau 15 ngày gieo trong bầu khay xốp

3.7. So sánh hiệu quả sản xuất giữa bầu ngô cải tiến và bầu ngô làm theo kiểu truyền thống của nông dân

Kết quả ở bảng 3 cho thấy: Tổng chi phí sản xuất sản xuất bầu cải tiến cao hơn so với bầu bán nông dân thường làm là 40.000đồng/ha, tuy nhiên, cây con sẽ sống ở trong bầu trong thời gian lâu hơn,

có thể tận dụng cả không gian và thời gian để đưa cây con ra ruộng sản xuất trong điều kiện thuận lợi nhất, cây con sẽ sinh trưởng phát triển tốt. Do đó khả năng áp dụng bầu ngô cải tiến vào sản xuất có tính khả thi và thực tế cao, góp phần giảm chi phí và tăng hiệu quả sản xuất.

Bảng 3. Chi phí sản xuất bầu cải tiến và bầu bán của nông dân để trồng 1,0 ha

Nội dung công việc	Chi phí sản xuất cây con bằng bầu cải tiến để trồng 1,0 ha ngô (Giá thể: Than bùn ủ mục (HCVC) + rơm rạ nghiền + đất bột, tỷ lệ 1:1:3)			Chi phí sản xuất cây con bằng bầu bán của nông dân để trồng 1,0 ha ngô (Bùn ao)		
	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Phân HCVC (kg)	200	1.500	300.000	-	-	-
Công lấy bùn (công)	3	160.000	480.000	10	160.000	1.600.000
Công bằm rơm (công)	2	160.000	320.000	-	-	-
Công làm đất bột (công)	1	160.000	160.000			
Công vào bầu (công)	3	160.000	480.000	3	160.000	480.000
Công ủ giá thể (công)	1	160.000	160.000	-	-	-
Khấu hao khay xốp (910 khay/ 1 năm)	-	200.000	200.000	-	-	-
Vôi (kg)	10	2.000	20.000	-	-	-
Giống (kg)	18	160.000	2.880.000	18	160.000	2.880.000
Tổng			5.000.000			4.960.000

Nguồn: Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Khuyến nông, 2014.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

- Cây ngô có thể sinh trưởng và phát triển tốt trong điều kiện sản xuất bầu ngô trong khay xếp 66 lỗ.

- Giá thể phù hợp cho sản xuất bầu ngô trong khay xếp là: CT6 Trấu hun + đất bột, tỷ lệ 1:1); CT8 (Giá thể GT5 + đất bột, tỷ lệ 1:3) và CT9 (Than bùn ủ mục (HCVC) + rơm rạ nghiền + đất bột, tỷ lệ 1:1:3).

- So sánh các giá thể cho thấy: Ở CT8, cây sinh trưởng là tốt nhất, nhưng chi phí cho sản xuất bầu cao (giá thể GT5 đắt, không có sẵn), vì vậy CT8 không phù hợp với thực tiễn. CT6 cây sinh trưởng tốt ở giai đoạn 1 đến 10 ngày tuổi, nhưng có một số khó khăn về kỹ thuật hun trấu, độ kết dính của bầu không cao, vì vậy CT6 chưa thực sự phù hợp. CT9 cây sinh trưởng

tốt từ 1 ngày tuổi đến 15 ngày tuổi, nguồn nguyên liệu làm bầu rẻ, sẵn có trong tự nhiên, chi phí giá thành làm bầu thấp, độ kết dính của bầu cao, vì vậy công thức CT9 phù hợp nhất với thực tiễn sản xuất.

4.2. Kiến nghị

Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá sinh trưởng, phát triển, năng suất, hiệu quả của sản xuất ngô Đông trên đất hai lúa áp dụng kỹ thuật sản xuất cây con bằng bầu ngô cải tiến để so sánh với cách làm thông thường của nông dân, làm cơ sở khoa học và thực tiễn để khuyến cáo, nhân rộng kỹ thuật mới trong sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phạm Tiến Dũng, 2008. *Thiết kế thí nghiệm và xử lý kết quả bằng phần mềm thống kê IRRISTAT*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

Research results of improved seed pot for winter maize on two rice crops land in the red river delta

Le Quoc Thanh, Dam Quang Minh,
Nguyen Huu Hieu, Le Ngoc Hoang, Le Truong Giang

Abstract

In recent years, due to impact of climate change, unpredicted weather fluctuations, irregular rule, heavy rain in early corn sowing time has caused flooding which is the major difficulties for maize planting. Maize seed pot technique is one of the useful solutions to make full use of space and time for creating suitable sowing time for maize production on two rice crops land. This study aimed to improve traditional maize seed pot (Mud seed pot as usually used by farmers). The results identified the appropriate technical solution for maize seed pot that was: sowing in 66 holes styro-foam tray, 3 suitable substrates as 1. Burned husk + soil, with ratio of 1:1; 2. GT5 material + soil, with ratio of 1:3 and 3. Composed peat + crushed straw + soil with ratio of 1:1:3. The improved maize seed pot contributed to reduce cost price, labor cost and improved quality and uniformity of seedlings, ensured the density when planting on field.

Key words: Improved maize seed pot, winter maize, two rice crops land

Ngày nhận bài: 21/4/2016

Ngày phản biện: 22/4/2016

Người phản biện: TS. Vương Huy Minh

Ngày duyệt đăng: 26/4/2016

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ CƠ CẤU CÂY TRỒNG SỬ DỤNG LÚA CHẾT VÀ CÂY VỤ ĐÔNG SỚM CÓ HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO Ở NAM ĐỊNH

Lê Quốc Thanh¹, Phạm Văn Dân¹, Nguyễn Xuân Dũng¹

TÓM TẮT

Hiện nay, vụ Đông đang trở thành vụ chính của vùng Đông bằng sông Hồng, phát triển các cây rau màu vụ Đông đã và đang được chú trọng ở nhiều địa phương vì hiệu quả kinh tế mang lại. Những năm gần đây, việc áp dụng cơ cấu cây trồng, bố trí cơ cấu mùa vụ hợp lý nên diện tích các cây vụ Đông sớm như dưa, bí xanh, bí đỏ, ngô... đang được mở rộng. Sử dụng cây vụ Đông sớm trên đất lúa chết cho năng suất và hiệu quả kinh tế tăng cao hơn chính vụ trên đất lúa Mùa. Bí xanh năng suất tăng 26,2%, hiệu quả tăng 46,8%; ngô Đông sớm năng suất tăng 24%, hiệu quả tăng 88,9%. Cơ cấu: Lúa Xuân - lúa chết - cây vụ Đông sớm (bí xanh, ngô) chi phí sản xuất thấp, chủ động bố trí thời vụ

¹ Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông, VAAS